

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 227/2017/HNGĐ-ST

Ngày 26-9-2017

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Luân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vũ Bằng.

2. Bà Lâm Yến Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/5/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án xét xử số 392/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim H**, sinh năm 1996(có mặt).

Trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn M**, sinh năm 1989 (có mặt).

Trú tại: Ấp A, xã H, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T.**

Người đại diện: Bà **Hoàng Thị B**- Giám đốc(vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 9, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/5/2017 và các lời khai tại tòa nguyên đơn bà Trần Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông M thành hôn ngày 17/01/2016, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T vào ngày 08/3/2016. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau khoảng thời gian sống chung khoảng sáu bảy tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông M muốn bà H sinh con, bà H thì chưa muốn sinh con, ông M nhỏ nhút trong sinh hoạt hàng ngày và không tôn trọng gia đình vợ. Bà H và ông M xảy ra tranh cãi, ông M có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà H, bà H về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 05/5/2017 đến nay. Bà H

không còn tình cảm với ông M, không thể chung sống nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà H và ông M không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 12.000.000 đồng là nợ riêng của ông M bà H không đồng ý chia.

Tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 6 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2017 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Ông M thừa nhận như trình bày của bà H là đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, ông M phát hiện bà H lén uống thuốc ngừa thai và trong thời gian sống chung bà H nói chuyện hờn hờn với mẹ chồng, ông M nhiều lần tâm sự với bà H để gia đình yên ấm, nhưng bà H không sửa đổi. Trong lúc tranh cãi ông M có đánh bà H mấy bực tay. Bà H về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 05/5/2017 đến nay và khởi kiện xin ly hôn. Xét thấy vợ chồng không thể đoàn tụ nên đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông M và bà H không có con chung.

Về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2017 cũng như tại phiên tòa ông M rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 12.000.000 đồng. Tại phiên tòa ông M tự nguyện trả 12.000.000 đồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, bà H có trách nhiệm trả cho ông M 3.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu ngày 06/9/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T trình bày: Ngày 20/9/2016 ông Phạm Văn M đại diện cho hộ gia đình đứng tên vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T vay số tiền 12.000.000 đồng, đã trả lãi đầy đủ đến ngày 20/8/2017. Để quản lý tốt nguồn vốn tín dụng chính sách Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T yêu cầu ông Phạm Văn M, bà Trần Thị Kim H trả tiền cho Ngân hàng chính sách.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thẩm quyền của Tòa án: Bị đơn ông Phạm Văn M có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn bà Trần Thị Kim H khởi kiện xin ly hôn với ông M, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28 và 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về tố tụng: Ngày 26 tháng 9 năm 2017 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ

luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T là phù hợp với quy định.

[3] Xét về hôn nhân: Bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn M thành hôn vào năm 2016, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T. Thể hiện tại Trích lục kết hôn (bản sao) số 502/2017/TLKH-BS ngày 08 tháng 5 năm 2017. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim H và ông Phạm Văn M là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông M muốn bà H sinh con, bà H thì chưa muốn sinh con, ông M nhốt trong sinh hoạt hàng ngày và không tôn trọng gia đình vợ. Bà H và ông M xảy ra tranh cãi, ông M có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập bà H, bà H về nhà cha mẹ ruột sống từ ngày 05/5/2017 đến nay. Tại phiên Tòa, bà H vẫn giữ y nội dung yêu cầu ly hôn với ông M. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H với ông M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho bà Trần Thị Kim H được ly hôn với ông Phạm Văn M.

[4] Xét về tài sản chung: Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2017 cũng như tại phiên tòa ông M rút nội dung yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy việc ông M rút yêu cầu chia tài sản chung là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu về chia tài sản chung.

[5] Xét về nợ chung: Đơn yêu cầu ngày 06/9/2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T trình bày: ngày 20/9/2016 ông Phạm Văn M đại diện cho hộ gia đình đứng tên vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T vay số tiền 12.000.000 đồng đã trả lãi đầy đủ đến ngày 20/8/2017. Để quản lý tốt nguồn vốn tính dụng chính sách Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T yêu cầu ông Phạm Văn M, bà Trần Thị Kim H trả tiền cho Ngân hàng chính sách. Xét thấy, tại phiên tòa ông M, bà H đều thừa nhận còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H không thừa nhận là nợ chung. Tại phiên tòa ông M tự nguyện trả số tiền 12.000.000 đồng cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T. Bà H có trách nhiệm trả cho ông M 3.000.000 đồng, bà H đồng ý trả cho ông M số tiền 3.000.000 đồng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về nợ chung là phù hợp nên được chấp nhận, nên cần buộc ông Phạm Văn M trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 12.000.000 đồng. Bà Trần Thị Kim H có trách nhiệm trả cho ông M 3.000.000 đồng là phù hợp.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35, Điều 217, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim H, cho bà H được ly hôn với ông Phạm Văn M.

Về nợ chung: Buộc ông Phạm Văn M trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Buộc bà Trần Thị Kim H trả cho ông Phạm Văn M số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu của bị đơn ông Phạm Văn M về yêu cầu chia tài sản chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T có đơn yêu cầu thi hành án, khách hàng vay (ông Phạm Văn M) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày ông Phạm Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Kim H không thi hành xong khoản tiền trên, thì phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình Trần Thị Kim H chịu 300.000 đồng. Bà H có nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006948 ngày 15/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Án phí dân sự sơ thẩm bà Trần Thị Kim H chịu 300.000 đồng.

Ông Phạm Văn M chịu phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 600.000 đồng. Ông M có nộp tạm ứng án phí 425.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0007112 ngày 26/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, số tiền còn lại 175.000 đồng ông M Phải nộp tiếp.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện TVT;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Võ Minh Luân